TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1224/2017/DS-PT
Ngày: 29/12/2017.
V/v "Yêu cầu bồi thường thiệt hại trong hợp đồng ủy quyền".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Liên

Ông Nguyễn Minh Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 625/2017/TLPT-DS ngày 09/11/2017 về việc "Yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do bản án sơ thẩm số 457/2017/DS-ST ngày 27- 9- 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2692/2017/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mai Văn N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 31 NS, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Ngọc C, luật sư Văn phòng luật sư VN, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1956.

Địa chỉ: LBB, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2016, các bản tự khai, biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/8/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Mai Văn N trình bày:

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phạm Thanh D phải có trách nhiệm bồi thường ½ (nửa) trị giá căn nhà số 31 (số cũ 49) NS, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh do ông D đã có hành vi giả chữ ký của ông tại "Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" ngày 08/4/2003 để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đứng tên ông Mai Văn N và bà Ngô Thị Thanh T, theo Hợp đồng dịch vụ bằng lời nói vào năm 2003 và Giấy ủy quyền ngày 11/6/2003 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường 18, quận TB giữa ông Mai Văn N và ông Phạm Thanh D. Đề nghị Tòa án có văn bản kiến nghị Viện kiểm sát và Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố vụ án hình sự.

Ông D phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, lý do ông D đã có hành vi giả chữ ký của ông N tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 08/04/2003**,** dẫn đến việc Ủy ban nhân dân quận TB cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở **(**hồ sơ gốc số 4452/2003 ngày 06/06/2003) cho ông Mai Văn N và bà Ngô Thị Thanh T, trong khi ông không ủy quyền cho ông D đưa bà Ngô Thị Thanh T cùng đứng tên trên giấy chứng nhận. Từ việc bà T có tên trong Giấy chứng nhận, nên bà T đã khởi kiện và được Tòa án xử chấp nhận chia cho bà ½ căn nhà số 31 NS, Phường PT, quận TP theo Bản án số 345/2015/DS-ST ngày 09/09/2015 và Bản án phúc thẩm số 684/2016/DSPT ngày 03/6/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nay ông N yêu cầu ông Phạm Thanh D phải bồi thường ½ trị giá căn nhà và đất số 31 NS, Phường PT, quận TP (giá trị toàn bộ nhà đất là 8.949.204.000 đồng), tiền án phí 56.614.000 đồng cộng số tiền tạm ứng án phí trong vụ án này là 21.000.000 đồng, tổng cộng 2 khoản tiền án phí này là 77.614.000 đồng.

Ông yêu cầu được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 21.000.000 đồng của vụ án này, theo biên lai thu số 0025157 ngày 01/08/2016.

Riêng hành vi làm giả mạo hồ sơ tài liệu của ông D gây hậu quả nghiệm trọng có dấu hiệu của tội phạm hình sự, ông đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra quận Tân Phú và Viện Kiểm Sát nhân dân quận Tân Phú khởi tố ông Phạm Thanh Dân để xem xét xử lý theo chức năng và thẩm quyền bởi ông bị thiệt hại mọi mặt tinh thần lẫn vật chất.

Bị đơn ông Phạm Thanh D trình bày:

Nguyên vào tháng 2 hoặc tháng 3 năm 2003 ông N có thỏa thuận và giao cho ông đi làm hồ sơ xin hợp thức hóa căn nhà 49 NS, Phường 18, quận TB (nay là số 31 NS, Phường PT, quận TP). Ông N có giao cho ông các giấy tờ gồm: thông báo cấp số nhà, Giấy CMND, sổ hộ khẩu của ông N, giấy chuyển quyền sử dụng đất xây dựng, đơn xin sử dụng đất ở, tờ kê khai nhà đất năm 1999 có tên hai vợ chồng ông N bà T. Sau đó ông N có đề nghị đứng tên một mình trên sổ hồng. Ông có thông báo cho ông N biết nếu muốn một mình đứng tên trên sổ hồng thì phải có giấy xác nhận độc thân

hoặc có giấy xác nhận của bà T là tài sản riêng của ông, vì thời điểm này ông N và bà T là vợ chồng.

Sau đó ông N có gọi ông đến đồng ý giao giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà T cho ông và ông đã ghi giùm cho ông N cùng bà T vào đơn hợp thức hóa nhà ngày 08/04/2003 và ký tên ông N vào đơn và đính kèm hộ khẩu, giấy CMND của ông N và bà T để ra phường xác nhận vào đơn và nộp lên quận, đúng 45 ngày sau ông nhận sổ hồng mang về cho ông N, sau khi xem xong ông N không có ý kiến gì và còn thanh toán tiền thù lao cho ông. Đến đầu năm 2005 ông N cùng bà T ra phòng công chứng số 4 xác nhận tài sản chung để vay tiền Ngân hàng Tân Việt.

Ông không đồng ý bồi thường các khoản thiệt hại theo yêu cầu của ông N, vì tại thời điểm hợp thức hóa ông N và bà T là vợ chồng và ông đã làm thủ tục hợp thức hóa nhà đất theo yêu cầu của ông N, tuy nhiên hai bên chỉ giao dịch bằng lời nói, không có văn bản. Ông đã thay mặt ông N ký tên ông N, duy nhất tại đơn xin hợp thức hóa ngày 08/4/2003.

Bản án sơ thẩm số 457/2017/DS-ST ngày 27- 9- 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 604 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Mai Văn N về việc yêu cầu ông Phạm Thanh D bồi thường số tiền ½ trị giá căn nhà và đất số 31 NS, Phường PT, quận TP, cùng khoản tiền án phí tại bản án số 684/2016/DS-PT ngày 03/06/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 56.614.600 đồng và số tiền tạm ứng án phí trong vụ án này 21.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra quận Tân Phú và Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú khởi tố ông Phạm Thanh D xem xét xử lý theo chức năng và thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Mai Văn N nộp 112.552.217 (một trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn hai trăm mười bảy) đồng, sau khi được trừ đi tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 21.000.000 đồng theo biên lai thu số 0025157 ngày 01/08/2016 của Thi hành án dân sự

quận Tân Phú, ông N còn phải nộp 91.552.217 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thủ tục thi hành bản án.

Ngày 06/10/2017, nguyên đơn là ông Mai Văn N có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm số 457/2017/DS-ST ngày 27-9- 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Lý do:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt nên không tiến hành được việc hỏi và tranh luận đối với bị đơn.

- Không xem xét chứng cứ là "Đơn trình bày sự việc và cam kết" của ông Phạm Thanh D có nội dung bị đơn thừa nhận giả mạo hồ sơ. Không xem xét chứng cứ là kết luận giám định chữ ký trong Đơn xin cấp giấy chứng nhận đã kết luận không phải là chữ ký của ông N.

- Bản án sơ thẩm không xem xét khách quan toàn diện nên đã ra quyết định ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 457/2017/DS-ST ngày 27- 9- 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ. Việc tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp tại vụ án, sơ thẩm xác định là "Tranh chấp bồi thường thiệt hại" theo như nội dung yêu cầu tại Đơn khởi kiện, thực chất thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu bồi thường là từ việc thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 11/6/2003 giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp tại vụ án phải được xác định đầy đủ và chính xác là "Tranh chấp bồi thường thiệt hại trong hợp đồng ủy quyền" tại Điều 581, 584 Bộ luật dân sự năm 2005, như ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, về nội dung án sơ thẩm đã giải quyết theo đúng thủ tục tố tụng với yêu cầu tranh chấp này nên quyền, nghĩa vụ của các đương sự vẫn được bảo đảm, vì vậy phúc thẩm chỉ sửa lại về quan hệ pháp luật có tranh chấp.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do trong quá trình thực hiện công việc được ủy quyền, bị đơn đã tự có hành vi tự làm lại "Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở" ghi cả tên vợ chồng nguyên đơn, từ đó dẫn đến hậu quả là vợ của nguyên đơn đã được chia ½ nhà đất này. Đây là thiệt hại mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải bồi thường. Cụ thể: Theo "Giấy ủy quyền" ngày 11/6/2003, ông N ủy quyền cho ông D nội dung: "Được thay mặt tôi đến các cơ quan chức năng lập mọi thủ tục hợp thức hóa và ký nhận giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐƠ của căn nhà số 49 NS, phường 18, quận TB", kèm theo các giấy tờ hồ sơ có "Đơn xin cấp giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐƠ" ngày 09/4/2002 ghi người đứng đơn là ông Mai Văn N. Tại dòng "Tên vợ/chồng là: ..." bỏ trống. Quá trình thực hiện công việc ủy quyền, ông D đã làm lại "Đơn xin cấp giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐƠ" ngày 08/4/2003, tự ghi thêm tên vợ ông N là bà Ngô Thị Thanh T vào dòng khai vợ/chồng trong đơn và tự ký tên ông N là người đứng đơn.

[4] Để giải quyết yêu cầu của nguyên đơn tại vụ án, cần xét vấn đề về lỗi, về hậu quả là thiệt hại thực tế xảy ra và mối quan hệ nhân quả của hai vấn đề này. Xét thấy: Căn nhà số 49 NS, phường 18, quận TB do ông Mai Văn N đứng tên chuyển nhượng từ ông Mai Văn C vào ngày 12/6/1999. Tại "Tờ đăng ký nhà đất" ngày 14/9/1999 do ông N kê khai ký tên, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 18, quận TB, thể hiện có đăng ký cả tên ông Mai Văn N và bà Ngô Thị Thanh T đứng tên chủ sở hữu kê khai. Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn cho rằng thời điểm năm 1999 quan hệ hôn nhân giữa ông N bà T không còn tồn tại nên tờ khai này không thể là tài sản chung vợ chồng. Xét thấy, pháp luật quy định nhiều hình thức sở hữu chung, chứng cứ này đã chứng minh về ý chí của ông N xác định đây là tài sản chung của ông và bà T.

Tại các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm hành chính của Tòa án do ông N là người khởi kiện về việc cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất này, tại các Bản án sơ thẩm và phúc thẩm dân sự của Tòa án về chia tài sản chung giữa ông N và bà T đối với căn nhà này, đều đã có nhận định những cơ sở chứng cứ khác để xác định đây là tài sản chung của ông N và bà T, chứ không chỉ căn cứ vào "Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở". Các Bản án này đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án nhân dân tối

cao giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm của ông N cũng đã trả lời (Thông báo số 160/TB-TANDTC-VGĐKTIII ngày 25/8/2017) không chấp nhận yêu cầu của ông vì "ông N đã thể hiện ý chí trong việc nhập tài sản riêng có trước khi kết hôn với bà T thành tài sản chung vợ chồng".

[5] Sau khi nhận được Giấy chứng nhận do ông D giao, ông N biết trong Giấy chứng nhận ghi tên cả vợ chồng nhưng ông N không phản đối mà còn thanh lý hợp đồng bằng việc thanh toán cho ông D số tiền thù lao ủy quyền. Đến năm 2005, ông N và bà T cùng làm các thủ tục thế chấp tài sản này để vay tiền tại ngân hàng. Các thủ tục thế chấp đều khẳng định tài sản này là tài sản chung vợ chồng ông N và bà T. Ngoài ra, như án sơ thẩm đã nhận định, tại tài liệu là "Tờ khai nộp tiền sử dụng đất ngày 13/9/2004", "Tờ khai nộp lệ phí trước bạ ngày 09/6/2004" đều thể hiện nội dung ông N bà T là chủ sở hữu của nhà đất này.

[6] Với các chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định nhà đất số 49 NS, phường 18, quận TB là tài sản chung của ông N và bà T. Như vậy, khi thực hiện công việc được ủy quyền nội dung được thay mặt ông N để "lập mọi thủ tục hợp thức hóa" nhà đất, ông D có tự làm lại đơn ghi cả tên bà T thì cũng không làm thay đổi thực tế là tài sản này là tài sản chung của ông N bà T. Việc ông N yêu cầu ông D bồi thường là không có cơ sở chấp nhận, như nhận định tại Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn về việc phiên tòa sơ thẩm xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với bị đơn Phạm Thanh D để tham gia phiên tòa vào ngày 12/9/2017, sau đó là phiên tòa ngày 27/9/2017 nhưng bị đơn đều vắng mặt. Án sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Vấn đề này đã được nhận định cụ thể tại Bản án sơ thẩm.

[8] Về nội dung trong tờ "Đơn trình bày sự việc và cam kết" ngày 03/12/2009 ông Phạm Thanh D có thừa nhận "tôi tự ý điền tên ông Mai Văn N và bà Ngô Thị Thanh T vào đơn xin cấp giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐƠ và tôi tự ý ký nháy chữ ký của ông Mai Văn N". Vấn đề này đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm phân tích nhận định tại trang 6 và 7 của Bản án sơ thẩm.

[9] Về kết luận giám định xác định chữ ký tại "Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở", đã kết luận không phải là chữ ký của ông N, việc này phù hợp với lời khai nhận (như phần [3] nêu trên) của ông D, là do ông D tự ý ghi và ký tên ông N trong đơn này. Các vấn đề này đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá, nhận định cụ thể tại bản án sơ thẩm, việc nguyên đơn kháng cáo cho rằng Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét các tài liệu chứng cứ này là không đúng.

[10] Từ những chứng cứ nhận định trên, xét án sơ thẩm đã giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật, vì vậy kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm là không được chấp nhận.

[11] Tại Đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung về việc buộc bị đơn bồi thường thiệt hại. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, quá trình tố tụng sơ thẩm ông N có yêu cầu Tòa án chuyển hồ sơ cho cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát để khởi tố ông D về hành vi giả mạo hồ sơ tài liệu. Xét đây là ý kiến yêu cầu của đương sự đối với cơ quan tố tụng chứ không phải là tranh chấp trong vụ án dân sự hoặc yêu cầu trong việc dân sự theo quy định tại Điều 26 và 27 Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm nhận định về yêu cầu này của ông N đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét. Tuy nhiên án sơ thẩm lại tuyên cả nội dung này trong phần quyết định của Bản án là không đúng vì đây không là tranh chấp trong vụ án dân sự hoặc yêu cầu trong việc dân sự nên không giải quyết trong bản án. Vì vậy Hội đồng phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm ở phần quyết định này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 584 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn N; Sửa Bản án sơ thẩm số 457/2017/DS-ST ngày 27- 9- 2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Mai Văn N về việc yêu cầu ông Phạm Thanh D bồi thường số tiền ½ trị giá căn nhà và đất số 31 NS, phường PT, quận TP, cùng khoản tiền án phí tại bản án số 684/2016/DS-PT ngày 03/06/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 56.614.600 đồng và số tiền tạm ứng án phí trong vụ án này là 21.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn N phải chịu 112.552.217 (một trăm mười hai triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn hai trăm mười bảy) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp là 21.000.000 đồng (theo biên lai thu số AA/2016/0025157 ngày 01/08/2016 của Thi hành án dân sự quận Tân Phú), ông N còn phải nộp 91.552.217 đồng.

Án phí phúc thẩm: Ông Mai Văn N không phải chịu; được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu AA/2017/0009881 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Phú;
- THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.15).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Giảng